HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI

CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN

sau đây gọi là các Nước ký kết;

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

ĐÃ THOẢ THUẬN DƯỚI ĐÂY:

Điều 1
ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2
CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả, cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm sẽ được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   a) trong trường hợp của nước Cộng hòa hồi giáo Iran:

      (i) thuế thu nhập đối với bất động sản;

      (ii) thuế thu nhập đối với nông nghiệp;

      (iii) thuế thu nhập đối với tiền công;

      (iv) thuế thu nhập đối với nghành nghề (kinh doanh); và

      (v) thuế thu nhập đối với các pháp nhân;

   b) trong trường hợp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập cá nhân; và

      (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Trong một khoảng thời gian phù hợp, các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3
CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, nghĩa của các thuật ngữ như sau:

a)

(i) thuật ngữ "nước Cộng hòa hồi giáo Iran" có nghĩa là lãnh thổ theo chủ quyền và/hoặc quyền tài phán của nước Cộng hòa hồi giáo Iran;

(ii) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

b) thuật ngữ "đối tượng" có nghĩa là:

(i) cá nhân;

(ii) công ty hoặc bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

c) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Iran hoặc Việt Nam tùy ngữ cảnh đòi hỏi;

d) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

e) thuật ngữ "văn phòng đăng ký" có nghĩa là trụ sở chính được đăng ký theo các luật có liên quan của mỗi một Nước ký kết;

f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay do doanh nghiệp của một Nước ký kết

điều hành, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của nước Cộng hòa hồi giáo Iran, là Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

(ii) trong trường hợp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

i) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội có tư cách theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4
ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào mà theo các luật của Nước đó là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nơi cư trú, nhà ở, trụ sở đăng ký, hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm cả Nước đó hoặc chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào phải chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó hoặc có tài sản đặt tại đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 của Điều này khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   b) nếu không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

   c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước ký kết hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   d) nếu cá nhân đó không mang quốc tịch của Nước nào, hoặc nếu theo các khoản trên đây, cá nhân đó không được coi là một đối tượng cư trú của một trong hai Nước ký kết, khi đó các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận song phương.

3. Trường hợp theo các quy định của khoản 1 của Điều này, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là một đối tượng cư trú của Nước nơi có trụ sở đăng ký bao gồm cả trụ sở chính được đăng ký của đối tượng đó.

Điều 5
CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở cố định mà qua đó một doanh nghiệp của một Nước ký kết thực hiện một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   a) trụ sở điều hành;

   b) chi nhánh;

   c) văn phòng;

   d) nhà máy;

   e) xưởng; và

   f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm thăm dò, khai thác và/hoặc chiết xuất tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan tạo thành một "cơ sở thường trú" nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài trong một giai đoạn hơn sáu tháng;

   b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, các hoạt động sau đây của một doanh nghiệp của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia sẽ được coi là không thực hiện thông qua cơ sở thường trú:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá, hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích nghiên cứu khoa học cho doanh nghiệp đó và/hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ;

f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động đã được nêu từ điểm a) đến điểm e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của địa điểm kinh doanh cố định bắt nguồn từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và 2 trường hợp một đối tượng - trừ một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp và có và thường xuyên thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước đó đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng đó thực hiện cho doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của một đối tượng như vậy chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà nếu những hoạt động đó được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.

6. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, trong trường hợp các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6
THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia sẽ bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền được áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền hưởng lợi từ bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định được trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác bao gồm cả dầu, khí và mỏ đá; tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 của Điều này cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 3 của Điều này cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7
LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho a) cơ sở thường trú đó; hoặc b) việc bán tại Nước kia những hàng hoá cùng loại như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3 của Điều này, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung trong phạm vi các chi phí này phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bất kể chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Không một khoản lợi nhuận nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hoá cho doanh nghiệp.

6. Theo nội dung các khoản trên của Điều này, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương

pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

Điều 8
VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế, nhưng chỉ trên phần lợi nhuận thu được và được phân bổ cho việc tham gia tương ứng với phần được chia trong hoạt động liên doanh.

Điều 9
CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi:

   a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

   b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

   và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng này vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước ký kết kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

Điều 10
TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không phải là các khoản cho vay, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi khác trong công ty cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty

trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

Điều 11
LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là đối tượng thực hưởng tiền lãi từ tiền cho vay thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

4. Mặc dù có các quy định của khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và thu được bởi Nước ký kết kia, các Bộ, các tổ chức Chính phủ khác, chính quyền địa phương, Ngân hàng Trung ương và các ngân hàng khác thuộc sở hữu toàn bộ của Nước ký kết kia, sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất.

5. Các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường

trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12
TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền dù có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến quyền hoặc tài sản phát sinh tiền bản quyền có liên hệ thực tế, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền sử dụng hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13
PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1. Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản phí dịch vụ kỹ thuật đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản phí dịch vụ kỹ thuật này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 8 phần trăm tổng số phí dịch vụ kỹ thuật.

3. Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho bất kỳ đối tượng nào, không phải là những đối tượng được đề cập tại Điều 12, 15 và 16 của Hiệp định này, cho các dịch vụ mang tính chất quản lý hoặc kỹ thuật hoặc tư vấn, bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật hoặc dịch vụ cá nhân khác.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú đặt tại đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định đặt tại đó, và quyền hoặc tài sản mà phí dịch vụ được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. a) Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật dù có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

b) Trường hợp theo quy định của khoản a) phí dịch vụ kỹ thuật không phát sinh tại một trong hai Nước ký kết, và phí dịch vụ kỹ thuật này liên quan đến dịch vụ được thực hiện tại một trong hai Nước ký kết, phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ được coi là phát sinh tại Nước ký kết đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14
THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hoặc các quyền lợi khác trong công ty có tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

5. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các cổ phần tại một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trừ các cổ phần nêu tại khoản 4 có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Thu nhập từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 của Điều này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 15
DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ trường hợp:

   a) đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này. Nếu đối tượng đó có một cơ sở cố định như vậy, thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần thu nhập được phân bổ cho cơ sở cố định đó.

   b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 16
DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo quy định tại các Điều 17, 19, 20 và 21 của Hiệp định này, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi lao động làm công của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động làm công đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, nếu:

   a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia; và

   c) tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, tiền công do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho việc làm công trên tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế chỉ có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

Điều 17
THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18
NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn, như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên mà trả cho đối tượng khác, thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 15 và 16.

3. Những quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng đối với các khoản thu nhập do nghệ sỹ và vận động viên thu được từ các hoạt động thực hiện theo khuôn khổ của thỏa thuận văn hóa được ký kết giữa các Nước ký kết.

Điều 19
TIỀN LƯƠNG HƯU

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 của Điều 20, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Tuy nhiên, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu khoản tiền do một đối tượng cư trú của Nước kia hoặc một cơ sở thường trú tại Nước đó trả.

3. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác được trả theo một chương trình công cộng là các phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

Điều 20
PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

   b) tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

      (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

      (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện các công việc trên.

2. Bất kỳ một khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

3. Các quy định của các Điều 16, 17, 18 và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền thù lao và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 21
GIÁO VIÊN, SINH VIÊN VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện có mặt tại Nước ký kết kia chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo sẽ không bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn bên ngoài Nước kia.

2. Tương tự như vậy, khoản tiền thù lao do giáo viên hoặc giảng viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện có mặt tại Nước ký kết kia nhận được để trang trải các khoản chi phí cho việc dạy học hoặc thực hiện việc nghiên cứu khoa học tại một trường đại học, cao đẳng, trường học hoặc cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn không vượt quá hai năm sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn bên ngoài Nước kia.

   Khoản này sẽ không áp dụng đối với thù lao và thu nhập từ việc nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó được thực hiện với mục đích kinh doanh của các đối tượng và doanh nghiệp.

Điều 22
THU NHẬP KHÁC

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 của Điều 6, nếu đối tượng thực hưởng thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập thu được có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định trên. Trong trường hợp đó những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 23
CÁC BIỆN PHÁP XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, Nước thứ nhất sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế thu nhập đã nộp tại Nước ký kết kia.

   Tuy nhiên, số thuế khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế được tính trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ cho khoản thu nhập này.

2. Trong trường hợp thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được, được miễn thuế tại Nước đó theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, Nước này có thể xét đến phần thu nhập được miễn thuế khi tính số thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó.

Điều 24
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho những đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau. Mặc dù có những quy định tại Điều 1, quy định này cũng sẽ áp dụng đối với những đối tượng không phải là đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự.

3. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

4. Trừ trường hợp áp dụng những quy định tại khoản 1 của Điều 9, khoản 7 của Điều 11, hoặc khoản 6 của Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được tính vào chi phí theo cùng các điều kiện như các khoản đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

5. Những quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích của thân phận cá nhân hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

6. Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

Điều 25
THỦ TỤC THOẢ THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong nội luật của hai Nước đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại, nếu trường hợp của đối tượng này thuộc phạm vi khoản 1 của Điều 24 của Nước ký kết nơi đối tượng mang quốc tịch. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ thông qua việc trao đổi để xây dựng các thủ tục, điều kiện, biện pháp và phương thức song phương phù hợp cho việc thực hiện thủ tục thoả thuận song phương được quy định tại Điều này.

Điều 26
TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công cộng.

Điều 27
CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN LÃNH SỰ

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự theo các quy tắc chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 28
HIỆU LỰC

1. Mỗi Nước ký kết, thông qua đường ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

   a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn:

      (i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các khoản thu nhập thu được vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực;

      (ii) tại Việt Nam, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

   b) đối với các khoản thuế thu nhập khác:

      (i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các loại thuế được tính cho bất kỳ giai đoạn tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực;

      (ii) tại Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Điều 29
CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào sau khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các khoản thu nhập thu được vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

b) đối với các loại thuế thu nhập khác:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các loại thuế được tính cho bất kỳ giai đoạn tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Làm tại Tê-hê-ran ngày 14 tháng 10 năm 2014 tương ứng với ngày 1393/07/22 Solar Hijra thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Ba Tư và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

Để làm bằng những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN THỨ TRƯỞNG BỘ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH VÀ CHỦ TỊCH CƠ QUAN THUẾ QUỐC GIA IRAN**
ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN	**DR. ALI ASKARI**

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO

TAXES ON INCOME

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

hereinafter referred to as the Contracting States;

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

Article 1
PERSONAL SCOPE

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

Article 2
TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or its local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   a) in the case of the Islamic Republic of Iran:

      (i) the income tax on real estates;

      (ii) the income tax on agriculture;

      (iii) the income tax on salary;

      (iv) the income tax on occupation (business); and

      (v) the income tax on legal persons;

   b) in the case of the Socialist Republic of Vietnam:

      (i) the personal income tax; and

      (ii) the business income tax.

4. The Agreement shall apply also to any identical or substantially similar taxes, which are imposed after the date of signature of the Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other within a reasonable period of important changes, which have been made in their respective taxation laws.

Article 3
GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires, the meanings of the terms are as follows:

a)

(i) the term "Islamic Republic of Iran" means the territory under the sovereignty and/or jurisdiction of the Islamic Republic of Iran;

(ii) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Vietnam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law;

b) the term "person" means:

(i) an individual;

(ii) a company or any other body of persons;

c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Iran or Vietnam as the context requires;

d) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

e) the term "registered office" means head office registered under the relevant laws of either Contracting State;

f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

g) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except

when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

h) the term "competent authority" means:

(i) in the case of the Islamic Republic of Iran, the Minister of Economic Affairs and Finance or his authorized representative;

(ii) in the case of the Socialist Republic of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

i) the term "national" means:

(i) any individual possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) any legal person, partnership and association deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

Article 4
RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who under the laws of that State is liable to tax therein by reason of his residence, domicile, place of registration, or any other criterion of a similar nature, and also includes that State or any local authority thereof. This term, however, does not include any person who is liable to tax in that State in respect only of income from sources in that State or capital situated therein.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 of this Article an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

   a) he shall be deemed to be a resident only of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident only of the State with which his personal and economic relations are closer (center of vital interests);

   b) if the State in which he has his center of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident only of the Contracting State in which he has an habitual abode;

   c) if he has an habitual abode in both Contracting States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident only of the State of which he is a national;

   d) if he is a national of neither of the States, and or if under the previous paragraphs, he may not be deemed a resident of one of the Contracting States, then the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where, by reason of the provisions of paragraph 1 of this Article a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of registration including the registered head office is situated.

Article 5
PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place through which an enterprise of a Contracting State wholly or partly carries on the business in the other Contracting State.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

   a) a place of management;

   b) a branch;

   c) an office;

   d) a factory;

   e) a workshop; and

   f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of exploration, exploitation and/or extraction of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

   a) a building site, a construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, constitutes a "permanent establishment" but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

   b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any twelve-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the following activities of an enterprise of a Contracting State in the other Contracting State shall be deemed not to be treated as carrying on through the permanent establishment:

   a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;

e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of scientific research for that enterprise and/or carrying on any other activity of a preparatory or auxiliary character;

f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs a) to e) provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2 where a person-other than an agent of independent status to whom paragraph 6 applies-is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise and has and habitually exercises in a Contracting State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in that State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise unless the activities of such a person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.

6. An enterprise of a Contracting State shall not be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State merely because it carries on business in that other State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, where such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he shall not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6
INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State shall be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources including oil, gas and quarries; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 of this Article shall also apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 of this Article shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to the income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7
BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other Contracting State but only so much of them as is attributable to a) that permanent establishment; or b) sales in that other State of goods or merchandise of the same kind as those sold through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3 of this Article, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses including executive and general administrative expenses, insofar as they are incurred for the purposes of the business of permanent establishment, whether incurred in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere.

4. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

6. For the purposes of the preceding paragraphs of this Article the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the

same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8
SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency, but only to so much of the profits so derived as is attributable to the participant in proportion to its share in the joint operation.

Article 9
ASSOCIATED ENTERPRISES

1. Where:

   a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly- profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other Contracting State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first- mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other Contracting State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall, if necessary consult each other.

Article 10
DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the resident of the other Contracting State and the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed 10 percent of the gross amount of the dividends.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" in this Article means income from shares, "Jouissance" shares or "Jouissance" rights, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other Contracting State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other Contracting State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed

profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other Contracting State.

Article 11
INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is a resident of the other Contracting State and the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 percent of the gross amount of the interest.

3. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

4. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising in a Contracting State and derived by the other Contracting State, ministries, other Governmental institutions, municipalities, Central Bank and other banks wholly owned by the other Contracting State, shall be exempted from tax in the first-mentioned State.

5. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15 as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be

deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 12
ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed 10 percent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the right or property giving rise to the royalties is effectively connected, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base then such royalties shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the

amount of the royalties, having regard to the use, right to use or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such a relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, with due regard to the other provisions of this Agreement.

Article 13
FEES FOR TECHNICAL SERVICES

1. Fees for technical services arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such fees for technical services may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the fees for technical services the tax so charged shall not exceed 8 percent of the gross amount of the fees for technical services.

3. The term "fees for technical services" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than those mentioned in Articles 12, 15 and 16 of this Agreement, as consideration for managerial or technical or consultancy services, including the provision of services of technical or other personnel.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the fees for technical services, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the fees for technical services arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the fees for technical services are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. a) Fees for technical services shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is a resident of that State. Where, however, the person paying the fees for technical services, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the fees for technical services was incurred and such fees for technical services are borne by such permanent establishment or fixed base, then such fees for technical services shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

   b) Where under sub- paragraph a) fees for technical services do not arise in one of the Contracting States, and the fees for technical

services relate to services performed in one of the Contracting States, the fees for technical services shall be deemed to arise in that Contracting State.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the fees for technical services paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such a relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 14
CAPITAL GAINS

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other Contracting State.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in that Contracting State.

4. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or other corporate rights in a company the assets of which directly or indirectly consist mainly of immovable property situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

5. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 4 in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

6. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5 of this Article shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

Article 15
INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State unless:

   a) he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities. If he has such a fixed base, the income may be taxed in the other Contracting State but only so much of it as is attributable to that fixed base.

   b) if his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, engineers, lawyers, architects, dentists and accountants.

Article 16
DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 17, 19, 20 and 21 of this Agreement, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that state unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Contracting State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State, if:

   a) the recipient is present in the other Contracting State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the fiscal year concerned; and

   b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other Contracting State; and

   c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other Contracting State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration paid by an enterprise of a Contracting State in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic may be taxed only in that Contracting State.

Article 17
DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

Article 18
ARTISTES AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theater, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other Contracting State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may notwithstanding the provisions of Articles 7, 15 and 16 be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply to the income derived by an entertainer or a sportsman from the activities performed within the framework of the cultural agreement concluded between the Contracting States.

Article 19
PENSIONS

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 20, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment may be taxed in that Contracting State.

2. However, such pensions and other similar remuneration may also be taxed in the other Contracting State if the payment is made by a resident of that other State or a permanent establishment situated therein.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 1 and 2 of this Article, pensions paid and other payments made under public scheme which are parts of the social security system of a Contracting State or a local authority thereof shall be taxable only in that Contracting State.

Article 20
GOVERNMENT SERVICE

1. a) salaries, wages and other similar remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or local authority shall be taxable only in that Contracting State.

   b) however, such salaries, wages and other similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

      (i) is a national of that State; or

      (ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. Any pension paid by, or out of funds created by a Contracting State or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or local authority shall be taxable only in that Contracting State.

3. The provisions of Articles 16, 17, 18 and 19 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a local authority thereof.

Article 21
TEACHERS, STUDENTS AND RESEARCHERS

1. Payments which a student or business apprentice who is a resident of a Contracting State and who is present in the other Contracting State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that other Contracting State, provided that such payments arise from sources outside that other State.
2. Likewise, remuneration received by a teacher or by an instructor who is a resident of a Contracting State and who is present in the other Contracting State for the purpose of teaching or engaging in scientific research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the government of the first-mentioned Contracting State for a period or periods not exceeding two years shall be exempted from tax in that other Contracting State, provided that such payments arise from sources outside that other State.

   This paragraph shall not apply to remuneration and income from research if such research is undertaken for persons and enterprises with business purposes.

Article 22
OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the forgoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that Contracting State.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply to income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services, from a fixed base situated therein and the right or property in respect of which the income is derived is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting State not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting State may also be taxed in that other State.

Article 23
METHOD FOR THE ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. Where a resident of a Contracting State derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in the other Contracting State, the first-mentioned State shall allow as a deduction from the tax on the income of that resident, an amount equal to the income tax paid in that other Contracting State.

   Such deduction shall not, however, exceed that part of the tax as computed before the deduction is given, which is attributable to the income.

2. Where in accordance with any provision of the Agreement income derived by a resident of a Contracting State is exempted from tax in that State, such State may notwithstanding the exemption, in calculating the amount of tax on the remaining income of such resident, take into account the exempted income.

Article 24
NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other Contracting State in the same circumstances are or maybe subjected. This provision shall, notwithstanding the provisions of Article 1, also apply to persons who are not residents of one or both of the Contracting States.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favorably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other Contracting State carrying on the same activities.

3. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

4. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 7 of Article 11, or paragraph 6 of Article 12 apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State.

5. These provisions shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, relieves and reductions for taxation purposes on account of personal status or family responsibilities which it grants to its own residents.

6. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

Article 25
MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a resident of a Contracting State considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident or, if his case comes under paragraph 1 of Article 24 to that of the Contracting State of which he is a national. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavor, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavor to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs. The competent authorities, through consultations, shall develop appropriate bilateral procedures, conditions, methods and techniques for the implementation of the mutual agreement procedure provided for in this Article.

Article 26
EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation there under is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Article 1. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   a) to carry out administrative measures against the laws and the administrative practice of that or of the other Contracting State;

   b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information the disclosure of which would be contrary to public policy and ordre Public.

Article 27
MEMBERS OF DIPLOMATIC MISSIONS AND CONSULAR POSTS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of members of diplomatic missions or consular posts under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

Article 28
ENTRY INTO FORCE

1. Each of the Contracting States shall notify to the other in writing through the diplomatic channel the completion of the procedures required by its legislation for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the latter of these notifications.

2. This Agreement shall have effect:

   a) in respect of taxes withheld at source:

      (i) in the Islamic Republic of Iran, to amounts derived on or after 1st Farvardin Solar Hijra, corresponding to 21st March, in the calendar year next following the year in which the Agreement enters into force;

      (ii) in Vietnam, in relation to taxable amount paid or credited on or after 1st January in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force; and in subsequent calendar years.

   b) in respect of other taxes on income:

      (i) in the Islamic Republic of Iran, to such taxes chargeable for any taxable period beginning on or after 1st Farvardin Solar Hijra, corresponding to 21st March, in the calendar year next following the year in which the Agreement enters into force;

      (ii) in Vietnam, in relation to income, profits or gains arising on or after 1st January in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force; and in subsequent calendar years.

Article 29
TERMINATION

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting State. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving notice of termination at least six months before the end of any calendar year after the period of five years from the date on which the Agreement enters into force. In such event, the Agreement shall cease to have effect:

a) in respect of taxes withheld at source:

(i) in the Islamic Republic of Iran, to amounts derived on or after 1st Farvardin Solar Hijra, corresponding to 21st March, in the calendar year next following the year in which the notice of termination is given;

(ii) in Vietnam, in relation to taxable amount paid or credited on or after 1st January in the calendar year next following that in which the notice of termination is given; and in subsequent calendar years.

b) in respect of other taxes on income:

(i) in the Islamic Republic of Iran, to taxes chargeable for any taxable period beginning on or after 1st Farvardin Solar Hijra, corresponding to 21st March, in the calendar year next following the year in which the notice of termination is given;

(ii) in Vietnam, in relation to income, profits or gains arising on or after 1st January in the calendar year next following that in which the notice of termination is given; and in subsequent calendar years.

Done in duplicate in Tehran on the 14th October 2014 corresponding to 1393/07/22 Solar Hijra in the Vietnamese, Persian and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

In witness whereof the undersigned, duly authorized thereto, by their respective Governments, have signed this Agreement.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

VICE MINISTER OF MINISTRY OF FINANCE

DO HOANG ANH TUAN

FOR THE GOVERNMENT OF THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

DEPUTY MINISTER OF ECONOMIC AFFAIRS AND FINANCE AND PRESIDENT FOR THE IRANIAN NATIONAL TAX ADMINISTRATION

DR. ALI ASKARI

موافقتنـــامه

بین دولت جمهوری سوسیالیستی ویتنام
و دولت جمهوری اسلامی ایران

بمنظور اجتناب از اخذ مالیات مضاعف
و جلوگیری از فرار مالیاتی در مورد مالیاتهای بر درآمد

دولت جمهوری سوسیالیستی ویتنام

و

دولت جمهوری اسلامی ایران

که از این پس دولتهای متعاهد نامیده می‌شوند، با تمایل به انعقاد موافقتنامه‌ای بمنظور اجتناب از اخذ مالیات مضاعف و جلوگیری از فرار مالیاتی در مورد مالیاتهای بر درآمد به شرح زیر توافق نمودند:

ماده ۱

اشخاص مشمول موافقتنامه

این موافقتنامه ناظر بر اشخاصی است که مقیم یکی از دولتهای متعاهد یا هر دو آنها باشند.

ماده ۲

مالیاتهای موضوع موافقتنامه

۱- این موافقتنامه شامل مالیاتهای بر درآمد است که صرفنظر از نحوه اخذ آنها، از سوی هر دولت متعاهد یا مقامات محلی آنها وضع می‌گردد.

۲- مالیات بر درآمد عبارت است از تمامی مالیاتهای بر کل درآمد یا اجزای درآمد از جمله مالیات درآمدهای حاصل از نقل و انتقال اموال منقول یا غیر منقول، مالیات بر کل مبالغ دستمزد یا حقوق پرداختی توسط موسسات و همچنین مالیات بر افزایش ارزش سرمایه.

۳- مالیاتهای موجود مشمول این موافقتنامه عبارتند از:

الف : در مورد جمهوری سوسیالیستی ویتنام:
- مالیات بر درآمد شخصی، و
- مالیات بر درآمد کسب و کار.

ب : در مورد جمهوری اسلامی ایران:
- مالیات بر درآمد املاک،
- مالیات بر درآمد کشاورزی،
- مالیات بر درآمد حقوق،
- مالیات بر درآمد مشاغل (کسب و کار)، و
- مالیات بر درآمد اشخاص حقوقی.

۴- این موافقتنامه شامل مالیاتهایی که نظیر یا در اساس مشابه مالیاتهای موجود بوده و بعد از تاریخ امضای این موافقتنامه به آنها اضافه یا بجای آنها وضع شود نیز خواهد بود. مقامات صلاحیتدار دولتهای متعاهد، ظرف مدت معقولی یکدیگر را از تغییرات مهمی که در قوانین مالیاتی مربوط به آنها حاصل شود، مطلع خواهند نمود.

ماده ۳

تعاریف کلی

۱- از لحاظ این موافقتنامه، جز در مواردی که سیاق عبارت مفهوم دیگری را اقتضا نماید، معانی اصطلاحات به قرار زیر است:

الف :

۱- "ویتنام" به جمهوری سوسیالیستی ویتنام اطلاق می‌شود و به هنگام کاربرد در معنای جغرافیایی ناظر است بر قلمرو خشکی آن، جزایر، آبهای داخلی، دریای سرزمینی و منطقه هوایی مافوق آنها، مناطق دریایی خارج از دریای سرزمینی از جمله بستر دریا و زیر بستر آن، که جمهوری سوسیالیستی ویتنام طبق قانون ملی و حقوق بین الملل نسبت به آن حاکمیت، حقوق حاکمیت و صلاحیت را اعمال می‌نماید.

۲- "جمهوری اسلامی ایران" به مناطق تحت حاکمیت و یا صلاحیت جمهوری اسلامی ایران اطلاق می‌شود.

ب : "شخص" اطلاق می‌شود به:

- شخص حقیقی،
- شرکت یا هر مجموعه دیگری از افراد.

پ : "یک دولت متعاهد" و "دولت متعاهد دیگر" بنا به اقتضای متن به ویتنام یا ایران اطلاق می‌شود.

ت : "شرکت" اطلاق می‌شود به هر شخص حقوقی یا هر واحدی که از لحاظ مالیاتی بعنوان شخص حقوقی محسوب می‌شود.

ث : "دفتر ثبت شده" بمفهوم دفتر مرکزی ثبت شده طبق قوانین مربوط هر دولت متعاهد می باشد.

ج : "موسسه یک دولت متعاهد" و "موسسه دولت متعاهد دیگر" به ترتیب به موسسه‌ای که به وسیله مقیم یک دولت متعاهد و موسسه‌ای که به وسیله مقیم دولت متعاهد دیگر اداره می‌گردد اطلاق می‌شود.

چ : "حمل و نقل بین المللی" به هرگونه حمل و نقل توسط کشتی یا وسایط نقلیه هوایی اطلاق می‌شود که توسط موسسه یک دولت متعاهد انجام می‌شود، به استثنای مواردی که کشتی یا وسایط نقلیه هوایی صرفاً برای حمل و نقل بین نقاط واقع در دولت متعاهد دیگر استفاده شود.

ح : "مقام صلاحیتدار":

- در مورد جمهوری سوسیالیستی ویتنام، به وزیر دارایی یا نماینده مجاز وی اطلاق می‌شود.
- در مورد جمهوری اسلامی ایران به وزیر امور اقتصادی و دارایی یا نماینده مجاز او اطلاق می‌شود. و

خ : "تبعه" اطلاق می‌شود به:

- هر شخص حقیقی که تابعیت یک دولت متعاهد را داشته باشد؛
- هر شخص حقوقی، مشارکت و انجمنی که وضعیت قانونی خود را به موجب قوانین جاری در یک دولت متعاهد کسب نماید.

۲- در اجرای این موافقتنامه توسط یک دولت متعاهد، هر اصطلاحی که تعریف نشده باشد، دارای معنای بکار رفته در قوانین آن دولت راجع به مالیاتهای موضوع این موافقتنامه است بجز مواردی که اقتضای سیاق عبارت به گونه‌ای دیگر باشد.

ماده ۴

مقیـــــم

۱- از لحاظ این موافقتنامه اصطلاح "مقیم یک دولت متعاهد" به هر شخصی اطلاق می‌شود که به موجب قوانین آن دولت، از حیث اقامتگاه، محل سکونت، محل ثبت یا به جهات مشابه دیگر مشمول مالیات آن دولت باشد و همچنین این اصطلاح شامل آن دولت یا مقام محلی آن خواهد بود. با وجود این، اصطلاح مزبور شامل شخصی نخواهد بود که صرفاً به لحاظ سرمایه یا کسب درآمد از منابع واقع در آن دولت مشمول مالیات آن دولت می‌شود.

۲- در صورتی که حسب مقررات بند (۱) این ماده، شخص حقیقی مقیم هر دو دولت متعاهد باشد، وضعیت او بشرح زیر تعیین خواهد شد:

الف : او فقط مقیم دولتی تلقی خواهد شد که در آن، محل سکونت دایمی در اختیار دارد. اگر او در هر دو دولت محل سکونت دایمی در اختیار داشته باشد، فقط مقیم دولتی تلقی خواهد شد که در آن علایق شخصی و اقتصادی بیشتری دارد (مرکز منافع حیاتی).

ب : هرگاه نتوان دولتی را که وی در آن مرکز منافع حیاتی دارد تعیین کرد یا چنانچه او در هیچ یک از دو دولت، محل سکونت دایمی در اختیار نداشته باشد، صرفاً مقیم دولت متعاهدی تلقی خواهد شد که معمولاًدر آنجا بسر می‌برد.

پ : هرگاه او معمولاً در هر دو دولت متعاهد بسر برد یا در هیچ یک بسر نبرد، صرفاً مقیم دولتی تلقی می‌شود که تابعیت آنرا دارد.

ت : هرگاه او تابعیت هیچ یک از دو دولت را نداشته باشد و یا در صورتی که نتوان براساس بندهای پیشین او را مقیم یکی از دولتهای متعاهد تلقی کرد، موضوع با توافق مقامات صلاحیتدار دو دولت متعاهد حل و فصل خواهد شد.

۳- در صورتی که به موجب مقررات بند (۱) این ماده شخصی غیر از شخص حقیقی، مقیم هر دو دولت متعاهد باشد، آن شخص، مقیم دولتی تلقی خواهد شد که محل ثبت آن از جمله دفتر مرکزی ثبت شده در آن واقع است.

ماده ۵

مقـر دایـــم

۱- از لحاظ این موافقتنامه اصطلاح "مقر دایم" به محل ثابتی اطلاق می‌شود که از طریق آن، موسسه یک دولت متعاهد کلاً یا جزئاً در دولت متعاهد دیگر به کسب و کار اشتغال دارد.

۲- اصطلاح "مقر دایم" به ویژه شامل موارد زیر است:

الف : محل اداره،

ب : شعبه،

پ : دفتر،

ت : کارخانه،

ث : کارگاه، و

ج : معدن، چاه نفت یا گاز، معدن سنگ یا هر محل دیگر اکتشاف، استخراج و یا بهره برداری از منابع طبیعی؛

۳ - اصطلاح "مقر دایم" همچنین مشتمل است بر:

الف : کارگاه ساختمانی، پروژه ساخت، سوار کردن یا نصب ساختمان یا فعالیتهای مربوط به سرپرستی و نظارت مرتبط با آن، "مقردایم" محسوب می‌شوند ولی فقط در صورتی که این کارگاه، پروژه یا فعالیتها بیش از (۶) ماه استقرار یا ادامه داشته باشد.

ب : ارائه خدمات، شامل خدمات مشاوره ای، توسط یک مؤسسه از طریق کارکنان یا سایر افرادی که به همین منظور توسط موسسه بکار گمارده شده اند، اما صرفاً درصورتیکه فعالیتهای دارای این ماهیت (برای همان پروژه یا پروژه مرتبط) در داخل کشور برای دوره یا دوره هایی که در مجموع بیش از (۶) ماه در هر دوره دوازده ماهه باشد ادامه داشته باشد.

۴- علیرغم مقررات قبلی این ماده، انجام فعالیت‌های زیر توسط موسسه یک دولت متعاهد در دولت متعاهد دیگر بعنوان فعالیت از طریق "مقر دایم" تلقی نخواهد شد:

الف : استفاده از تسهیلات، صرفاً بمنظور انبار کردن، نمایش اجناس یا کالاهای متعلق به موسسه.

ب : نگهداری کالا یا اجناس متعلق به موسسه، صرفاً بمنظور انبار کردن یا نمایش.

پ : نگهداری کالا یا اجناس متعلق به موسسه، صرفاً بمنظور فرآوری آنها توسط موسسه دیگر.

ت : نگهداری محل ثابت کسب و کار صرفاً بمنظور خرید کالاها یا اجناس، یا گردآوری اطلاعات برای آن موسسه.

ث : نگهداری محل ثابت کسب و کار صرفاً بمنظور انجام تحقیقات علمی برای آن موسسه و یا سایر فعالیتهایی که برای آن موسسه دارای جنبه تمهیدی یا کمکی باشد.

ج : نگهداری محل ثابت کسب و کار صرفاً به منظور ترکیبی از فعالیتهای مذکور در جزءهای (الف) تا (ث)، به شرط آنکه فعالیت کلی محل ثابت شغلی حاصل از این ترکیب، دارای جنبه تمهیدی یا کمکی باشد.

۵- علیرغم مقررات بندهای (۱) و (۲) درصورتی که شخصی (غیر از عاملی که دارای وضعیت مستقل بوده و مشمول بند ۶ است) در یک دولت متعاهد از طرف مؤسسه‌ای فعالیت کند و دارای اختیار انعقاد قرار داد به نام آن موسسه باشد و اختیار مزبور را به طور معمول اعمال کند، آن موسسه در مورد فعالیتهایی که این شخص برای آن انجام می‌دهد، در آن دولت دارای مقر دایم تلقی خواهد شد مگر آنکه فعالیتهای شخص مزبور محدود به موارد مذکور در بند (۴) باشد، که در این صورت آن فعالیت‌ها چنانچه از طریق محل ثابت کسب و کار نیز انجام گیرند به موجب مقررات بند مذکور، این محل ثابت کسب و کار را به مقر دایم تبدیل نخواهد کرد.

۶- موسسه یک دولت متعاهد صرفاً به سبب آنکه در دولت متعاهد دیگر از طریق حق العملکار، دلال یا هر عامل مستقل دیگری به انجام امور می‌پردازد، در آن دولت دیگر دارای مقر دایم تلقی نخواهد شد مشروط برآنکه عملیات اشخاص مزبور در جریان عادی کسب و کار آنان صورت گیرد. معذالک، هرگاه فعالیت‌های چنین عاملی به طور کامل یا تقریباً کامل به آن موسسه تخصیص یافته باشد از حیث معنای این بند او بعنوان عامل دارای وضعیت مستقل قلمداد نخواهد شد.

۷- صرف اینکه شرکت مقیم یک دولت متعاهد، شرکت مقیم در دولت متعاهد دیگر را کنترل می‌کند یا تحت کنترل آن قرار دارد یا در آن دولت دیگر فعالیت تجاری انجام می‌دهد (خواه از طریق مقر دایم و خواه بنحو دیگر) بخودی خود برای اینکه یکی از آنها مقر دایم دیگری محسوب شود، کافی نخواهد بود.

ماده ۶

درآمد حاصل از اموال غیر منقول

۱- درآمد حاصل توسط مقیم یک دولت متعاهد از اموال غیر منقول واقع در دولت متعاهد دیگر از جمله درآمد حاصل از کشاورزی یا جنگلداری مشمول مالیات آن دولت دیگر خواهد بود.

۲ – اصطلاح "اموال غیر منقول" دارای همان تعریفی است که در قوانین دولت متعاهدی که اموال مزبور در آن قرار دارد، آمده است. این اصطلاح به هر حال شامل ملحقات مربوط به اموال غیر منقول، احشام و اسباب و ادوات مورد استفاده در کشاورزی و جنگلداری، حقوقی که مقررات قوانین عام راجع به مالکیت اراضی، در مورد آنها اعمال می‌گردد، حق انتفاع از اموال غیر منقول و حقوق مربوط به پرداختهای ثابت یا متغیر در ازای کار یا حق انجام کار، ذخایر معدنی، سرچشمه‌ها و سایر منابع طبیعی از جمله نفت، گاز و معدن سنگ خواهد بود؛ کشتی‌ها و وسایط نقلیه هوایی بعنوان اموال غیر منقول محسوب نخواهند شد.

۳- مقررات بند (۱) این ماده نسبت به درآمد حاصل از استفاده مستقیم، اجاره یا هر شکل دیگر استفاده از اموال غیر منقول جاری خواهد بود.

۴- مقررات بندهای (۱) و (۳) این ماده در مورد درآمد ناشی از اموال غیر منقول موسسه و درآمد ناشی از اموال غیر منقول مورد استفاده برای انجام خدمات شخصی مستقل نیز جاری خواهد شد.

ماده ۷
درآمدهای تجاری

۱- درآمد موسسه یک دولت متعاهد فقط مشمول مالیات همان دولت خواهد بود مگر اینکه این موسسه از طریق مقر دایم واقع در دولت متعاهد دیگر امور تجاری خود را انجام دهد. چنانچه موسسه از طریق مزبور به کسب و کار بپردازد درآمد آن موسسه فقط تا حدودی مشمول مالیات دولت متعاهد دیگر می‌شود که مرتبط باشد با:

الف: مقر دایم مذکور؛ یا

ب: فروش اجناس یا کالاهای نظیر اجناس یا کالاهای فروخته شده از طریق مقر دایم مزبور در آن دولت دیگر.

۲- با رعایت مقررات بند (۳) این ماده، در صورتی که موسسه یک دولت متعاهد از طریق مقر دایم واقع در دولت متعاهد دیگر فعالیت نماید، آن مقر دایم در هر یک از دو دولت متعاهد، دارای درآمدی تلقی می‌شود که اگر بصورت موسسه‌ای متمایز و مجزا و کاملاً مستقل از موسسه‌ای که مقر دایم آن است به فعالیتهای نظیر یا مشابه در شرایط نظیر یا مشابه اشتغال داشت، می‌توانست تحصیل کند.

۳- در تعیین درآمد مقر دایم، هزینه‌های قابل قبول از جمله هزینه‌های اجرایی و هزینه‌های عمومی اداری تا حدودی که این هزینه‌ها برای مقاصد آن مقر دایم صورت گرفته است، کسر خواهد شد، اعم از آنکه در دولتی که مقر دایم در آن واقع شده است انجام پذیرد یا در جای دیگر.

۴- چنانچه در یک دولت متعاهد روش متعارف برای تعیین درآمد قابل تخصیص به مقر دایم بر اساس تسهیم کل درآمد موسسه به بخشهای مختلف آن باشد، مقررات بند (۲) مانع بکار بردن روش تسهیمی متعارف آن دولت متعاهد برای تعیین درآمد مشمول مالیات نخواهد شد. در هر حال نتیجه روش تسهیمی متخذه باید با اصول این ماده تطابق داشته باشد.

۵- صرف آنکه مقر دایم برای موسسه جنس یا کالا خریداری می‌کند، موجب منظور داشتن درآمد برای آن مقر دایم نخواهد بود.

۶- از لحاظ مقررات بندهای پیشین این ماده، درآمد منظور شده برای مقر دایم سال به سال به روش یکسان تعیین خواهد شد، مگر آنکه دلیل مناسب و کافی برای اعمال روش دیگر وجود داشته باشد.

۷- درصورتی که درآمد شامل اقلامی از درآمد باشد که طبق سایر مواد این موافقتنامه حکم جداگانه‌ای دارد، مفاد این ماده خدشه‌ای به مقررات آن مواد وارد نخواهد آورد.

ماده ۸

کشتیرانی و حمل و نقل هوائی

۱ - درآمد حاصل توسط موسسه یک دولت متعاهد بابت استفاده از کشتی‌ها یا وسایط نقلیه هوایی در حمل و نقل بین المللی فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

۲ - مقررات بند (۱) در خصوص درآمد حاصل از مشارکت در اتحادیه موقتی، تجارت مشترک یا آژانس فعالیتهای بین‌المللی نیز قابل اجرا خواهد بود، لیکن فقط به آن قسمت از منافع حاصله که قابل تخصیص به قدرالسهم بابت مشارکت در فعالیتهای مشارکتی باشد.

ماده ۹
موسسات شریک

۱- در صورتی که :

الف : موسسه یک دولت متعاهد بطور مستقیم یا غیر مستقیم در مدیریت، کنترل یا سرمایه موسسه دولت متعاهد دیگر مشارکت داشته باشد،

یا

ب : اشخاصی واحد بطور مستقیم یا غیر مستقیم در مدیریت، کنترل یا سرمایه موسسه یک دولت متعاهد و موسسه دولت متعاهد دیگر مشارکت داشته باشند،

و در هر یک از دو مورد شرایط مورد توافق یا مقرر در روابط تجاری یا مالی بین این دو موسسه، متفاوت از شرایطی باشد که بین موسسات مستقل برقرار است، درآن صورت هرگونه درآمدی که باید در نبود آن شرایط عاید یکی از این موسسات می شد، ولی بعلت آن شرایط، عاید نشده است می‌تواند جزء درآمد آن موسسه منظور شده و مشمول مالیات متعلقه شود.

۲- در صورتی که یک دولت متعاهد درآمدهایی که در دولت متعاهد دیگر بابت آنها از موسسه آن دولت متعاهد دیگر مالیات اخذ شده، جزء درآمدهای موسسه خود منظور و آنها را مشمول مالیات کند و درآمد مزبور درآمدی باشد که چنانچه شرایط استقلال بین دو موسسه حاکم بود، عاید موسسه دولت نخست می‌شد، در این صورت آن دولت متعاهد دیگر در میزان مالیات متعلقه بر آن درآمد، تعدیل مناسبی بعمل خواهد آورد. در تعیین چنین تعدیلاتی سایر مقررات این موافقتنامه باید لحاظ شود و مقامات صلاحیتدار دو دولت متعاهد درصورت لزوم با یکدیگر مشورت خواهند کرد.

ماده ۱۰

سـود سهام

۱- سود سهام پرداختی توسط شرکت مقیم یک دولت متعاهد به مقیم دولت متعاهد دیگر مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- مع ذالک این سود سهام ممکن است در دولت متعاهدی که شرکت پرداخت کننده سود سهام مقیم آن است طبق قوانین آن دولت نیز مشمول مالیات شود، ولی در صورتی که دریافت کننده، مقیم دولت متعاهد دیگر بوده و مالک منافع سود سهام باشد، مالیات متعلقه از ۱۰ (ده) درصد مبلغ ناخالص سود سهام تجاوز نخواهد کرد.
این بند تاثیری بر مالیات شرکتی که از محل درآمد آن سود سهام مزبور پرداخت می شود نخواهد داشت.

۳ - اصطلاح "سود سهام" در این ماده اطلاق می‌شود به درآمد حاصل از سهام، سهام منافع یا حقوق سهام منافع، سهام موسسین یا سایر حقوق، به استثنای مطالبات دیون، مشارکت در منافع و نیز درآمد حاصل از سایر حقوق شراکتی که طبق قوانین دولت محل اقامت شرکت تقسیم کننده درآمد مشمول همان رفتار مالیاتی است که در مورد درآمد حاصل از سهام اعمال می‌گردد.

۴- هرگاه مالک منافع سود سهام، مقیم یک دولت متعاهد بوده و در دولت متعاهد دیگر که شرکت پرداخت کننده سود سهام مقیم آن است، از طریق مقر دایم واقع در آن به فعالیت شغلی بپردازد یا از پایگاه ثابت واقع در آن دولت متعاهد دیگر خدمات شخصی مستقل انجام دهد و سهامی که از بابت آن سود سهام پرداخت می‌شود بطور موثر مرتبط با این مقر دایم یا پایگاه ثابت باشد، مقررات بندهای (۱) و (۲) این ماده جاری نخواهد بود. در این صورت، مقررات مواد (۷) یا (۱۵)، حسب مورد، مجری خواهد بود.

۵- در صورتی که شرکت مقیم یک دولت متعاهد، منافع یا درآمدی از دولت متعاهد دیگر تحصیل کند، آن دولت متعاهد دیگر هیچ نوع مالیاتی بر سود سهام پرداختی توسط این شرکت وضع نخواهد کرد، بغیر از مواقعی که این سود سهام به مقیم آن دولت متعاهد دیگر پرداخت شود یا مواقعی که سهامی که بابت آن سود سهام پرداخت می‌شود بطور موثر مرتبط با مقر دایم یا پایگاه ثابت واقع در آن دولت متعاهد دیگر باشد، و منافع تقسیم نشده شرکت را نیز مشمول مالیات نخواهد کرد، حتی اگر سود سهام پرداختی یا منافع تقسیم نشده، کلاً یا جزئاً از منافع یا درآمد حاصل در آن دولت متعاهد دیگر تشکیل شود.

ماده ۱۱

هزینه‌های مالی

۱- هزینه‌های مالی حاصل در یک دولت متعاهد که به مقیم دولت متعاهد دیگر پرداخت شده مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- مع ذالک، این هزینه‌های مالی ممکن است در دولت متعاهدی که حاصل شده و طبق قوانین آن دولت نیز مشمول مالیات شود، ولی چنانچه دریافت کننده، مقیم دولت متعاهد دیگر بوده و مالک منافع هزینه‌های مالی باشد، مالیات متعلقه از ۱۰ (ده) درصد مبلغ ناخالص هزینه‌های مالی تجاوز نخواهد کرد.

۳- اصطلاح "هزینه‌های مالی" بنحوی که در این ماده بکار رفته است به درآمد ناشی از هر نوع مطالبات دینی اعم از آنکه دارای وثیقه و یا متضمن حق مشارکت در منافع بدهکار باشد یا نباشد، و بخصوص درآمد ناشی از اوراق بهادار دولتی و درآمد ناشی از اوراق قرضه یا سهام قرضه شامل حق بیمه و جوایز متعلق به اوراق بهادار، اوراق قرضه یا سهام قرضه مزبور اطلاق می‌گردد. جریمه‌های تاخیر تادیه از لحاظ این ماده هزینه‌های مالی محسوب نخواهد شد.

۴- علیرغم مقررات بند (۲)، هزینه‌های مالی حاصل در یک دولت متعاهد که توسط دولت متعاهد دیگر، وزارتخانه‌ها، سایر موسسات دولتی، شهرداریها، بانک مرکزی و سایر بانکهایی که کلاً متعلق به دولت متعاهد دیگر می‌باشند، کسب می‌شوند، از مالیات دولت نخست معاف خواهد بود.

۵- هرگاه مالک منافع هزینه‌های مالی، مقیم یک دولت متعاهد بوده و در دولت متعاهد دیگری که هزینه‌های مالی در آنجا حاصل شده از طریق مقر دایم واقع در آن فعالیت شغلی داشته باشد یا در آن دولت متعاهد دیگر از پایگاه ثابت واقع در آن خدمات شخصی مستقل انجام دهد و مطالبات دینی که هزینه‌های مالی از بابت آن پرداخت می‌شود بطور موثر مربوط به این مقر دایم یا پایگاه ثابت باشد، مقررات بندهای (۱) و (۲) این ماده اعمال نخواهد شد. در این صورت حسب مورد، مقررات ماده (۷) یا ماده (۱۵) مجری خواهد بود.

۶- هزینه‌های مالی درصورتی حاصل شده در یک دولت متعاهد تلقی خواهد گردید که پرداخت کننده خود آن دولت، مقام محلی یا مقیم آن دولت باشد. مع ذالک، در صورتی که شخص پرداخت کننده هزینه‌های مالی، خواه مقیم یک دولت متعاهد باشد یا نباشد، در یک دولت متعاهد و در ارتباط با دینی که هزینه‌های مالی به آن تعلق می‌گیرد دارای مقر دایم یا پایگاه ثابت بوده و پرداخت این هزینه‌های مالی بر عهده آن مقر دایم یا پایگاه ثابت باشد، در این صورت چنین تلقی خواهد شد که هزینه‌های مالی مذکور، در دولت متعاهد محل وقوع مقر دایم یا پایگاه ثابت حاصل شده است.

۷- در صورتی که بدلیل وجود رابطه خاص بین پرداخت کننده و مالک منافع یا بین هر دوی آنها و شخص دیگری، مبلغ هزینه‌های مالی که در مورد مطالبات دینی پرداخت می‌شود از مبلغی که در صورت عدم وجود چنین ارتباطی بین پرداخت کننده و مالک منافع توافق می‌شد بیشتر باشد، مقررات این ماده فقط نسبت به مبلغ اخیرالذکر اعمال خواهد شد. در این مورد، قسمت مازاد پرداختی، طبق قوانین هریک از دولتهای متعاهد و با رعایت سایر مقررات این موافقتنامه مشمول مالیات خواهد بود.

ماده ۱۲
حق الامتیازها

۱- حق الامتیازهایی که در یک دولت متعاهد حاصل و به مقیم دولت متعاهد دیگر پرداخت شده، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- مع ذالک، این حق الامتیازها ممکن است در دولت متعاهدی که حاصل شده طبق قوانین آن دولت نیز مشمول مالیات شود، ولی چنانچه مالک منافع حق الامتیاز مقیم دولت متعاهد دیگر باشد، مالیات متعلقه بیش از ۱۰ (ده) درصد مبلغ ناخالص حق الامتیاز نخواهد بود.

۳- اصطلاح "حق الامتیاز" در این ماده به هر نوع وجوه دریافت شده در ازای استفاده یا حق استفاده از هر نوع حق چاپ و انتشار آثار ادبی، هنری یا علمی از جمله فیلمهای سینمایی و نوارهای رادیویی یا تلویزیونی، هر گونه حق انحصاری اختراع، علامت تجاری، طرح یا نمونه، نقشه، فرمول یا فرآیند سری یا اطلاعات مربوط به تجارب صنعتی، بازرگانی یا علمی یا استفاده یا حق استفاده از تجهیزات صنعتی، بازرگانی یا علمی اطلاق می‌شود.

۴- هرگاه مالک منافع حق الامتیاز، مقیم یک دولت متعاهد بوده و در دولت متعاهد دیگر که حق الامتیاز حاصل می‌شود از طریق مقر دایم واقع در آن، فعالیت شغلی داشته باشد یا در آن دولت متعاهد دیگر از طریق پایگاه ثابت خدمات شخصی مستقل انجام دهد و حق یا اموالی که حق الامتیاز نسبت به آنها پرداخت می‌شود بطور موثری با این مقر دایم یا پایگاه ثابت ارتباط داشته باشد، مقررات بندهای (۱) و (۲) این ماده اعمال نخواهد شد. در این صورت، حسب مورد، مقررات مواد (۷) یا (۱۵) مجری خواهد بود.

۵- حق الامتیاز در یک دولت متعاهد در صورتی حاصل شده تلقی خواهد شد که پرداخت کننده، خود آن دولت، مقام محلی یا مقیم آن دولت باشد. مع ذالک در صورتی که شخص پرداخت کننده حق الامتیاز، خواه مقیم یک دولت متعاهد باشد یا نباشد، در یک دولت متعاهد دارای مقر دایم یا پایگاه ثابتی باشد که حق یا اموال موجد حق الامتیاز بنحوی مؤثر در ارتباط با آن مقر دایم یا پایگاه ثابت باشد و پرداخت حق الامتیاز بر عهده مقر دایم یا پایگاه ثابت مذکور باشد، حق الامتیاز در دولت متعاهدی حاصل شده تلقی خواهد شد که مقر دایم یا پایگاه ثابت مزبور در آن واقع است.

۶- چنانچه به سبب وجود رابطه‌ای خاص میان پرداخت کننده و مالک منافع یا بین هر دوی آنها با شخص دیگری، مبلغ حق‌الامتیازی که با در نظر گرفتن استفاده، حق استفاده یا اطلاعاتی که بابت آنها حق الامتیاز پرداخت می‌شود، از مبلغی که در صورت عدم وجود چنین ارتباطی بین پرداخت

کننده و مالک منافـــع توافق می‌شد بیشتر باشد، مقررات این ماده فقط نسبت بـه مبلـغ اخیرالـذکر مجـری خواهد بود. در اینگونه موارد، قسمـــت مازاد پرداختی طبق قوانین هریک از دولتهای متعاهـد و با رعایت سایر مقررات این موافقتنامه مشمول مالیات باقی خواهد ماند.

ماده ۱۳
حق الزحمه خدمات فنی

۱- حق الزحمه خدمات فنی که در یک دولت متعاهد حاصل و به مقیم دولت متعاهد دیگر پرداخت شده، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- معذلک، این حق‌الزحمه خدمات فنی ممکن است در دولت متعاهدی که حاصل شده طبق قوانین آن دولت نیز مشمول مالیات گردد، ولی چنانچه دریافت کننده، مالک منافع حق الزحمه خدمات فنی باشد، مالیات متعلقه بیش از ۸ (هشت) درصد مبلغ ناخالص حق‌الزحمه خدمات فنی نخواهد بود.

۳- اصطلاح "حق الزحمه خدمات فنی" بگونه مورد استفاده در این ماده به هر نوع وجوه پرداختی به هر شخص، بجز وجوه پرداختی مذکور در مواد (۱۲)، (۱۵) و (۱۶)، این موافقتنامه، در ازای هر نوع خدمات مدیریتی یا فنی یا مشاوره‌ای از جمله ارائه خدمات کارکنان فنی یا سایر کارکنان اطلاق می‌گردد.

۴- هرگاه مالک منافع حق‌الزحمه خدمات فنی، مقیم یک دولت متعاهد بوده و در دولت متعاهد دیگری که حق الزحمه خدمات فنی در آنجا حاصل شده از طریق مقر دایم واقع در آن فعالیت شغلی داشته باشد یا در دولت متعاهد دیگر از پایگاه ثابت واقع در آن خدمات شخصی مستقل انجام دهد و حق یا اموالی که حق‌الزحمه خدمات فنی بابت آن پرداخت می شود بطور موثر با مقر دایم یا پایگاه ثابت مزبور مرتبط باشد، مقررات بندهای (۱) و (۲) مجری نخواهد بود. در این صورت مقررات ماده (۷) یا ماده (۱۵)، حسب مورد مجری خواهد بود.

۵-

الف: حق الزحمه خدمات فنی در صورتی در یک دولت متعاهد حاصل شده تلقی خواهد گردید که پرداخت کننده مقیم آن دولت باشد. معذلک، در صورتی که شخص پرداخت کننده حق الزحمه خدمات فنی، خواه مقیم یک دولت متعاهد باشد یا نباشد، در یک دولت متعاهد مقر دایم یا پایگاه ثابتی داشته باشد که تعهد پرداخت حق الزحمه خدمات فنی انجام شده با آن مرتبط باشد، و پرداخت این حق الزحمه خدمات فنی بر عهده آن مقر دایم یا پایگاه ثابت باشد، در این صورت حق الزحمه خدمات فنی مزبور در دولت متعاهدی حاصل شده تلقی خواهد شد که مقر دایم یا پایگاه ثابت مزبور در آن واقع است.

ب: در صورتی که وفق جزء (الف) حق الزحمه خدمات فنی در یکی از دولتهای متعاهد حاصل نگردد و حق الزحمه خدمات فنی مرتبط با خدمات انجام شده در یکی از دولتهای متعاهد باشد، حق الزحمه خدمات فنی در آن دولت متعاهد حاصل شده تلقی خواهد شد.

۶- در صورتی که بدلیل وجود رابطه خاص بین پرداخت کننده و مالک منافع یا بین هر دوی آنها و شخص دیگری، مبلغ پرداختی حق الزحمه خدمات فنی از مبلغی که در صورت عدم وجود چنین ارتباطی بین پرداخت کننده و مالک منافع توافق می‌شد بیشتر باشد، مقررات این ماده صرفاً نسبت به مبلغ اخیر الذکر اعمال خواهد شد. در این صورت، قسمت مازاد پرداختی طبق قوانین هر دولت متعاهد و با رعایت سایر مقررات این موافقتنامه مشمول مالیات خواهد بود.

ماده ۱۴

عواید سرمایه‌ای

۱- عواید حاصل توسط مقیم یک دولت متعاهد از نقل و انتقال اموال غیر منقول مذکور در ماده (۶) که در دولت متعاهد دیگر قرار دارد، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- عواید ناشی از نقل و انتقال اموال منقولی که بخشی از وسایل کسب و کار مقر دایم موسسه یک دولت متعاهد در دولت متعاهد دیگر می‌باشد یا اموال منقول متعلق به پایگاه ثابتی که در اختیار مقیم یک دولت متعاهد بمنظور انجام خدمات شخصی مستقل در دولت متعاهد دیگر می‌باشد، شامل عواید ناشی از نقل و انتقال مقر دایم (به تنهایی یا همراه با کل موسسه) یا پایگاه ثابت مزبور، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۳- عواید حاصل توسط موسسه یک دولت متعاهد از نقل و انتقال کشتی‌ها یا وسایط نقلیه هوایی مورد استفاده در حمل و نقل بین المللی یا اموال منقول مرتبط با استفاده از این کشتی‌ها یا وسایط نقلیه هوایی، فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

۴- عواید حاصل توسط مقیم یک دولت متعاهد از نقل و انتقال سهام یا سایر حقوق شراکتی در شرکتی که دارایی آن بطور مستقیم یا غیر مستقیم عمدتاً از اموال غیر منقول واقع در دولت متعاهد دیگر تشکیل شده است، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۵- عواید حاصل از نقل و انتقال سهام به غیر از موارد مذکور در بند (۴) در شرکتی که مقیم یک دولت متعاهد است مشمول مالیات آن دولت خواهد بود.

۶- عواید ناشی از نقل و انتقال هر مالی بغیر از موارد مذکور در بندهای (۱)، (۲)، (۳)، (۴) و (۵) این ماده فقط مشمول مالیات دولت متعاهدی که انتقال دهنده مقیم آن است خواهد بود.

ماده ۱۵

خدمات شخصی مستقل

۱- درآمد حاصل توسط مقیم یک دولت متعاهد بسبب خدمات حرفه‌ای یا سایر فعالیتهای مستقل، فقط در آن دولت مشمول مالیات خواهد بود مگر آنکه:

الف : این شخص بمنظور ارائه فعالیتهای خود بطور منظم پایگاه ثابتی در دولت متعاهد دیگر در اختیار داشته باشد که در این صورت این درآمد فقط تا حدودی که مربوط به آن پایگاه ثابت باشد، مشمول مالیات دولت متعاهد دیگر خواهد بود.

ب : جمع دوره یا دوره‌هایی که وی در دولت متعاهد دیگر بسر برده در مجموع معادل یا بیش از ۱۸۳ روز در دوره دوازده ماهه‌ای باشد که در سال مالی مربوطه شروع یا خاتمه می‌یابد؛ در این صورت، تنها آن قسمت از درآمد حاصل از فعالیتهای صورت گرفته در آن دولت دیگر مشمول مالیات آن دولت دیگر می شود.

۲- اصطلاح "خدمات حرفه‌ای" به ویژه شامل فعالیتهای مستقل علمی، ادبی، هنری، پرورشی، آموزشی و همچنین فعالیتهای مستقل پزشکان، مهندسان، وکلای دادگستری، معماران، دندانپزشکان و حسابداران می‌باشد.

ماده ۱۶

خدمات شخصی غیر مستقل

۱- با رعایت مقررات مواد (۱۷)، (۱۹)، (۲۰) و (۲۱) این موافقتنامه حقوق، مزد و سایر حق الزحمه‌های مشابهی که مقیم یک دولت متعاهد به سبب استخدام دریافت می‌دارد فقط مشمول مالیات همان دولت می‌باشد مگر آنکه استخدام در دولت متعاهد دیگر انجام شود که در این صورت حق‌الزحمه حاصل از آن مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- علیرغم مقررات بند (۱)، حق الزحمه مقیم یک دولت متعاهد به سبب استخدامی که در دولت متعاهد دیگر انجام شده فقط مشمول مالیات دولت نخست خواهد بود، مشروط بر آنکه:

الف : جمع مدتی که دریافت کننده در یک یا چند نوبت در دولت متعاهد دیگر بسر برده است از ۱۸۳ روز در دوره دوازده ماهه‌ای که در سال مالی مربوط شروع یا خاتمه می‌یابد تجاوز نکند و

ب : حق الزحمه توسط یا از طرف کارفرمایی که مقیم دولت متعاهد دیگر نیست پرداخت شود و

پ : پرداخت حق الزحمه بر عهده مقر دایم یا پایگاه ثابتی نباشد که کارفرما در دولت متعاهد دیگر دارد.

۳- علیرغم مقررات یاد شده در این ماده، حق الزحمه پرداختی توسط موسسه یک دولت متعاهد در زمینه استخدام در کشتی یا وسایط نقلیه هوایی مورد استفاده در حمل و نقل بین المللی فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

ماده ۱۷

حق الزحمه مدیران

حق الزحمه مدیران و پرداختهای مشابه دیگری که مقیم یک دولت متعاهد به لحاظ سمت خود بعنوان عضو هیات مدیره شرکت مقیم دولت متعاهد دیگر تحصیل می‌نماید، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

ماده ۱۸

هنرمندان و ورزشکاران

۱- درآمدی که مقیم یک دولت متعاهد بعنوان هنرمند، از قبیل هنرمند تاتر، سینما، رادیو یا تلویزیون یا موسیقیدان یا بعنوان ورزشکار بابت فعالیتهای شخصی خود در دولت متعاهد دیگر حاصل می‌نماید، علیرغم مقررات مواد (۱۵) و (۱۶) مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر می‌شود.

۲- درصورتی که درآمد مربوط به فعالیتهای شخصی هنرمند یا ورزشکار در سمت خود به آن هنرمند یا ورزشکار تعلق نگرفته و عاید شخص دیگری شود، آن درآمد علیرغم مقررات مواد (۷)، (۱۵) و (۱۶) مشمول مالیات دولت متعاهدی می‌شود که فعالیتهای هنرمند یا ورزشکار در آن انجام می‌گردد.

۳- درآمدی که هنرمند یا ورزشکار بابت فعالیتهای خود در چارچوب موافقتنامه فرهنگی میان دو دولت متعاهد تحصیل می‌نماید از شمول بندهای (۱) و (۲) این ماده مستثنی می‌باشد.

ماده ۱۹

حقوق بازنشستگی

۱- با رعایت مفاد بند (۲) ماده (۲۰)، حقوق بازنشستگی و سایر وجوه مشابه پرداختی به مقیم یک دولت متعاهد به ازای خدمات گذشته مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

۲- معهذا حقوق بازنشستگی و سایر وجوه مشابه، مشروط برآنکه پرداخت توسط مقیم آن دولت دیگر یا مقر دایم واقع در آن دولت صورت گیرد مشمول مالیات دولت متعاهد دیگر نیز می‌شود.

۳- علیرغم مقررات بند (۱) و (۲) این ماده، حقوق بازنشستگی و سایر موارد پرداختی به موجب طرحهای عمومی که قسمتی از نظام تامین اجتماعی یک دولت متعاهد یا مقام محلی آن است، فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

ماده ۲۰

خدمات دولتی

۱-

الف: حقوق، دستمزد و سایرحق الزحمه‌های مشابه، به استثنای حقوق بازنشستگی، پرداختی توسط یک دولت متعاهد یا مقام محلی آن به شخص حقیقی بابت خدمات انجام شده برای آن دولت یا مقام محلی فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

ب: معذالک، در صورتی که خدمات در دولت متعاهد دیگر و توسط شخص حقیقی مقیم آن دولت انجام شود، این حقوق، دستمزد و سایر حق الزحمه‌های مشابه فقط مشمول مالیات دولت متعاهد دیگر خواهد بود، مشروط بر آنکه آن شخص مقیم:

- تابع آن دولت بوده؛ یا
- صرفاً برای ارائه خدمات مزبور، مقیم آن دولت نشده باشد.

۲- حقوق بازنشستگی پرداختی توسط یک دولت متعاهد یا از محل صندوق ایجاد شده از طرف آن دولت یا مقام محلی آن به فردی در خصوص خدماتی که برای آن دولت یا مقام محلی مزبور انجام داده است، فقط مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

۳- در مورد حقوق و مقرری‌های بازنشستگی بابت خدمات ارائه شده در خصوص فعالیتهای تجاری که یک دولت متعاهد یا مقام محلی آن انجام می‌دهد مقررات مواد (۱۶)، (۱۷)، (۱۸) و (۱۹) مجری خواهد بود.

ماده ۲۱

مدرسین، محصلین و محققین

۱- وجوهی که محصل یا کارآموزی که مقیم یک دولت متعاهد بوده و صرفاً بمنظور تحصیل یا کارآموزی در دولت متعاهد دیگر بسر می‌برد، برای مخارج زندگی، تحصیل یا کارآموزی خود دریافت می‌دارد، مشمول مالیات آن دولت متعاهد دیگر نخواهد بود، مشروط بر آنکه پرداختهای مزبور از منابع خارج از آن دولت دیگر حاصل شود.

۲- همچنین، حق الزحمه دریافتی توسط مدرس یا معلمی که مقیم یک دولت متعاهد بوده و به منظور تدریس یا انجام تحقیق علمی در دانشگاه، دانشکده، مدرسه یا موسسه آموزشی یا موسسه تحقیقات علمی دارای مجوز دولتی از دولت متعاهد نخست برای یک دوره یا دوره‌هایی که از دو سال تجاوز نکند در دولت متعاهد دیگر بسر می‌برد، از مالیات آن دولت متعاهد دیگر معاف خواهد بود، مشروط بر آنکه پرداختهای مزبور از منابع خارج از آن دولت دیگر حاصل شود. مفاد این بند در مورد حق الزحمه و درآمد حاصل از انجام تحقیقات برای اشخاص و موساتی که دارای اهداف تجاری می‌باشند، مجری نخواهد بود.

ماده ۲۲
سایـر درآمـدها

۱- اقلام درآمد مقیم یک دولت متعاهد که در مواد قبلی این موافقتنامه مورد حکم قرار نگرفته است، در هر کجا که حاصل شود، صرفاً مشمول مالیات آن دولت متعاهد خواهد بود.

۲- به استثنای درآمد حاصل از اموال غیر منقول به نحوی که در بند (۲) ماده (۶) تعریف شده است، هرگاه دریافت کننده درآمد، مقیم یک دولت متعاهد بوده و در دولت متعاهد دیگر از طریق مقر دایم واقع در آن به کسب و کار بپردازد یا در آن دولت دیگر از پایگاه ثابت واقع در آن خدمات شخصی مستقل انجام دهد و حق یا اموالی که درآمد درخصوص آن حاصل شده است با این مقر دایم یا پایگاه ثابت بنحو موثری مرتبط باشد، مقررات بند (۱) این ماده مجری نخواهد بود. در این صورت حسب مورد مقررات ماده (۷) یا ماده (۱۵) اعمال خواهد شد.

۳- علیرغم مقررات بندهای (۱) و (۲)، اقلام درآمد مقیم یک دولت متعاهد که در مواد قبلی این موافقتنامه مورد حکم قرار نگرفته است و در دولت متعاهد دیگر حاصل می‌گردد، در آن دولت دیگر نیز مشمول مالیات خواهد بود.

ماده ۲۳

آئین حذف مالیات مضاعف

۱- در صورتی که مقیم یک دولت متعاهد درآمدی حاصل کند که طبق مقررات این موافقتنامه مشمول مالیات دولت متعاهد دیگر شود، دولت نخست اجازه خواهد داد مبلغی برابر با مالیات بر درآمد پرداختی در آن دولت متعاهد دیگر، از مالیات بر درآمد آن مقیم کسر شود.

مع ذالک، اینگونه کسور نباید از میزان مالیاتی که پیش از کسر به درآمد تعلق می‌گرفته، بیشتر باشد.

۲- درصورتی که طبق هر یک از مقررات این موافقتنامه درآمد حاصل توسط مقیم یک دولت متعاهد از مالیات آن دولت معاف باشد، دولت مزبور می‌تواند علیرغم معافیت، در محاسبه مالیات بر باقی مانده درآمد این مقیم، درآمد معاف شده را منظور کند.

ماده ۲۴

عـدم تـبعیض

۱- اتباع یک دولت متعاهد در دولت متعاهد دیگر، مشمول هیچگونه مالیات یا الزامات مربوط به آن که سنگین‌تر یا غیر از مالیات یا الزاماتی است که اتباع دولت متعاهد دیگر تحت همان شرایط مشمول آن هستند یا ممکن است مشمول آن شوند، نخواهند بود. علیرغم مقررات ماده (۱)، این مقررات شامل اشخاصی که مقیم یک یا هر دو دولت متعاهد نیستند نیز خواهد بود.

۲- مالیاتی که از مقر دایم موسسه یک دولت متعاهد در دولت متعاهد دیگر اخذ می‌شود نباید از مالیات موسسات آن دولت متعاهد دیگر که همان فعالیت‌ها را در آن دولت دیگر انجام می‌دهند نامساعدتر باشد.

۳- موسسات یک دولت متعاهد که سرمایه آنها کلاً یا جزئاً بطور مستقیم یا غیر مستقیم در مالکیت یا در کنترل یک یا چند مقیم دولت متعاهد دیگر می‌باشد، در دولت نخست مشمول هیچگونه مالیات یا الزامات مربوط به آن، که سنگین‌تر یا غیر از مالیات و الزاماتی است که سایر موسسات مشابه در آن دولت نخست مشمول آن هستند یا ممکن است مشمول آن شوند، نخواهند شد.

۴- بجز در مواردی که مقررات بند (۱) ماده (۹)، بند (۷) ماده (۱۱) یا بند (۶) ماده (۱۲) اعمال می‌شود، هزینه‌های مالی، حق‌الامتیاز و سایر هزینه‌های پرداختی توسط موسسه یک دولت متعاهد به مقیم دولت متعاهد دیگر از لحاظ تعیین میزان درآمد مشمول مالیات آن موسسه، تحت همان شرایطی قابل کسر خواهد بود که چنانچه به مقیم دولت نخست پرداخت شده بود.

۵- این مقررات بگونه‌ای تعبیر نخواهد شد که یک دولت متعاهد را ملزم نماید که هر نوع مزایای شخصی، بخشودگی و تخفیف مالیاتی را که به علت احوال شخصیه یا مسئولیت‌های خانوادگی به اشخاص مقیم خود اعطاء می‌نماید به اشخاص مقیم دولت متعاهد دیگر نیز اعطاء کند.

۶- مقررات این ماده فقط نسبت به مالیاتهای موضوع این موافقتنامه اعمال می‌شود.

ماده ۲۵
آئین توافق دوجانبه

۱- در صورتی که مقیم یک دولت متعاهد بر این نظر باشد که اقدامات یک یا هر دو دولت متعاهد در مورد وی از لحاظ مالیاتی منتج به نتایجی شده یا خواهد شد که منطبق با مقررات این موافقتنامه نمی‌باشد، صرفنظر از طرق احقاق حق پیش بینی شده در قانون داخلی دولتهای مزبور، می‌تواند اعتراض خود را به مقام صلاحیتدار دولت متعاهدی که مقیم آن است یا چنانچه مورد او مشمول بند (۱) ماده (۲۴) باشد، به مقام صلاحیتدار دولت متعاهدی که تبعه آن است، تسلیم نماید. اعتراض باید ظرف سه سال از تاریخ نخستین اطلاع از اقدامی که به اعمال مالیات مغایر با مقررات این موافقتنامه منتهی شده تسلیم شود.

۲- اگر مقام صلاحیتدار اعتراض را موجه بیابد ولی خود نتواند به راه حل مناسبی برسد، برای اجتناب از اخذ مالیاتی که مطابق این موافقتنامه نمی‌باشد، خواهد کوشید که از طریق توافق متقابل با مقام صلاحیتدار دولت متعاهد دیگر موضوع را فیصله دهد. در این صورت، علیرغم هرگونه محدودیت زمانی در قانون داخلی دولتهای متعاهد، هرگونه توافق حاصله اجرا خواهد شد.

۳- مقامات صلاحیتدار دو دولت متعاهد تلاش خواهند کرد که کلیه مشکلات یا شبهات ناشی از تفسیر یا اجرای این موافقتنامه را با توافق دوجانبه فیصله دهند و همچنین می‌توانند به منظور حذف مالیات مضاعف در مواردی که در این موافقتنامه پیش بینی نشده است با یکدیگر مشورت کنند.

۴- مقامات صلاحیتدار دو دولت متعاهد می‌توانند بمنظور حصول توافق در موارد بندهای پیشین، مستقیماً با یکدیگر ارتباط حاصل کنند. مقامات صلاحیتدار با مشورت یکدیگر، آیین‌ها، شرایط، روش‌ها و فنون دوجانبه مقتضی را برای اجرای آیین توافق دوجانبه مندرج در این ماده فراهم می‌آورند.

ماده ۲۶

تبادل اطلاعات

۱- مقامات صلاحیتدار دو دولت متعاهد اطلاعات ضروری برای اجرای مقررات این موافقتنامه یا برای اجرای قوانین داخلی دولتهای متعاهد که غیر مغایر با این موافقتنامه و مربوط به مالیات‌های مشمول این موافقتنامه باشد، مبادله خواهند کرد. مفاد ماده (۱) موجب تحدید تبادل اطلاعات مزبور نمی‌شود. هر نوع اطلاعاتی که به وسیله یک دولت متعاهد دریافت می‌شود، به همان شیوه‌ای که اطلاعات بدست آمده تحت قوانین داخلی آن دولت نگهداری می‌شود به صورت محرمانه تلقی خواهد شد و فقط برای اشخاص یا مقامات (از جمله دادگاهها و مراجع اداری) که به امر تشخیص، وصول، اجرا یا پیگیری اشتغال دارند یا در مورد پژوهش خواهیهای مربوط به مالیات های مشمول این موافقتنامه تصمیم گیری می‌کنند، فاش خواهد شد. اشخاص یا مقامات یادشده، اطلاعات را فقط برای چنین مقاصدی مورد استفاده قرار خواهند داد. آنان می‌توانند این اطلاعات را در جریان دادرسی‌های علنی دادگاهها یا طی تصمیمات قضایی فاش سازند.

۲- مقررات بند (۱) در هیچ مورد بنحوی تعبیر نخواهد شد که یک دولت متعاهد را وادار سازد:

الف : اقدامات اداری خلاف قوانین و رویه اداری خود یا دولت متعاهد دیگر اتخاذ نماید.

ب : اطلاعاتی را فراهم نماید که طبق قوانین یا روش اداری متعارف خود یا دولت متعاهد دیگر قابل تحصیل نیست.

پ : اطلاعاتی را فراهم نماید که منجر به افشای هر نوع اسرار تجاری، شغلی، صنعتی، بازرگانی یا حرفه‌ای یا فرآیند تجاری شود یا افشای آن خلاف خط مشی عمومی و نظم عمومی باشد.

ماده ۲۷

اعضای هیاتهای نمایندگی و مناصب کنسولی

مقررات این موافقتنامه بر امتیازات مالیاتی اعضای هیاتهای نمایندگی یا مناصب کنسولی که بموجب قواعد عمومی حقوق بین‌الملل یا مقررات موافقتنامه‌های خاص از آن برخوردار می‌باشند، تاثیری نخواهد گذاشت.

ماده ۲۸

لازم الاجرا شدن

۱- هر یک از دولتهای متعاهد باید از طریق مجاری سیاسی، تکمیل مراحل ضروری قانونی را برای لازم الاجرا شدن این موافقتنامه کتباً به دولت دیگر اطلاع دهد. این موافقتنامه از تاریخ آخرین یادداشت، لازم الاجرا می‌شود.

۲- این موافقتنامه به صورت زیر اجرا خواهد شد:

الف: در مورد مالیاتهای تکلیفی:

- در ویتنام نسبت به مبالغ مشمول مالیات پرداختی یا اعتباری، در تاریخ یکم ژانویه (برابر با ۱۱ دی ماه) یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که در آن این موافقتنامه لازم الاجرا می‌شود؛ و در سالهای تقویمی بعد از آن؛

- در جمهوری اسلامی ایران، نسبت به مبالغ حاصله در تاریخ یکم فروردین هجری شمسی، مطابق با ۲۱ مارس یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که در آن این موافقتنامه لازم الاجرا می‌شود.

ب : در مورد سایر مالیاتهای بر درآمد:

- در ویتنام، نسبت به درآمد، منافع یا عوایدی که در یکم ژانویه (برابر با ۱۱ دی ماه) یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سال لازم الاجرا شدن موافقتنامه حاصل می‌شود؛ و در سالهای تقویمی بعد از آن؛

- در جمهوری اسلامی ایران، نسبت به آن دسته از مالیاتهایی که برای هر دوره مشمول مالیات که در تاریخ یکم فروردین هجری شمسی، مطابق با ۲۱ مارس یا پس از آن، در سال تقویمی متعاقب سالی که موافقتنامه قوت قانونی یافته وضع می‌گردد.

ماده ۲۹
فسخ

این موافقتنامه تا زمانی که توسط هر یک از دولتهای متعاهد فسخ نشده لازم‌الاجرا خواهد بود. هریک از دولتهای متعاهد می‌تواند این موافقتنامه را از طریق مجاری سیاسی، با ارایه یادداشت فسخ، حداقل شش ماه قبل از پایان هر سال تقویمی بعد از پایان دوره پنجساله از تاریخی که موافقتنامه لازم الاجرا می‌گردد، فسخ نماید. در این صورت این موافقتنامه نسبت به موارد زیر اعمال نخواهد شد:

الف: در مورد مالیاتهای تکلیفی:

- در ویتنام، نسبت به مبالغ مشمول مالیات پرداختی یا اعتباری در تاریخ یکم ژانویه (برابر با ۱۱ دی ماه) یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که یادداشت فسخ در آن تسلیم شده است؛ و در سالهای تقویمی بعد از آن؛

- در جمهوری اسلامی ایران، نسبت به مبالغ حاصله در تاریخ یکم فروردین هجری شمسی، مطابق با ۲۱ مارس یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که یادداشت فسخ در آن تسلیم شده است.

ب: در مورد سایر مالیاتهای بر درآمد:

- در ویتنام، نسبت به درآمد، منافع یا عواید حاصل در تاریخ یکم ژانویه (برابر با ۱۱ دی ماه) یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که یادداشت فسخ در آن تسلیم شده است؛ و در سالهای تقویمی متعاقب آن؛

- در جمهوری اسلامی ایران، نسبت به مالیاتهایی که برای هر دوره مشمول مالیات که در تاریخ یکم فروردین هجری شمسی، مطابق با ۲۱ مارس یا پس از آن در سال تقویمی متعاقب سالی که یادداشت فسخ در آن تسلیم شده است وضع می‌گردد.

این موافقتنامه در دو نسخه در تهران در تاریخ ۱۴ اکتبر سال ۲۰۱۴ میلادی برابر با ۱۳۹۳/۷/۲۲ هجری شمسی به زبانهای ویتنامی، فارسی و انگلیسی تنظیم گردید که هر سه متن از اعتبار یکسان برخوردار است. درصورت اختلاف در تفسیر، متن انگلیسی حاکم خواهد بود.

برای گواهی مراتب بالا، امضاء کنندگان زیر که از طرف دولت متبوع خود به طور مقتضی مجاز می‌باشند، این موافقتنامه را امضاء نمودند.

ازطرف دولت
جمهوری سوسیالیستی ویتنام

معاون وزیر دارایی

دو هوانگ آن توان

ازطرف دولت
جمهوری اسلامی ایران

معاون وزیر امور اقتصادی و دارایی و
رئیس کل سازمان امور مالیاتی کشور

دکتر علی عسکری